

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

THÁNG 7/2026

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

EMAIL
bantinhitruong@mxv.vn

WEBSITE
www.mxv.com.vn

THÔNG TIN QUỐC TẾ	THÔNG TIN TRONG NƯỚC	THỊ PHẦN THÀNH VIÊN	LỊCH THÔNG TIN
-------------------	----------------------	---------------------	----------------

Phần 1: Thị trường hàng hóa thế giới

Thông tin vĩ mô

Thị trường hàng hóa thế giới tháng 7 chịu tác động chủ yếu từ ba yếu tố địa chính trị, thời tiết và chính sách kinh tế. Căng thẳng Trung Đông tiếp tục hỗ trợ giá năng lượng, El Niño và thời tiết cực đoan làm gia tăng biến động trên nhiều mặt hàng nông sản. Bên cạnh đó, việc Fed duy trì lãi suất ở mức cao, triển vọng tăng trưởng của Mỹ và Trung Quốc kém tích cực và những điều chỉnh về chính sách thương mại; nhiên liệu sinh học tiếp tục chi phối tâm lý thị trường.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH MỸ	CHỈ SỐ CHI PHÍ	CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TRUNG QUỐC
DXY tuần cuối tháng 7	Bloomberg Commodity (BCOM)	PMI sản xuất (NBS)

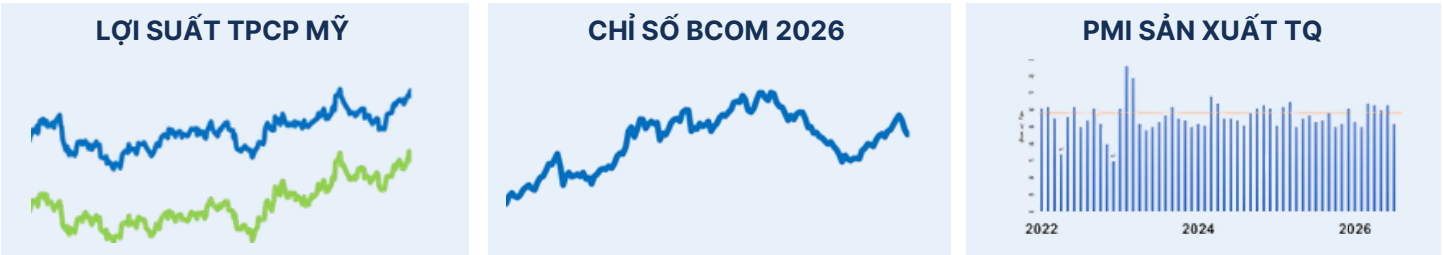
Động thái phối hợp can thiệp tỷ giá đồng Yên của Mỹ và Nhật Bản khiến chỉ số DXY chốt tháng dưới mốc 100 điểm, sau khi lên đỉnh tại 101,61 điểm. Ngược lại, lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm ở 4,75% và kỳ hạn 30 năm ở 5,27% - mức cao nhất kể từ năm 2007.

Từ mức 109,5 điểm đầu năm, BCOM tăng lên trên 143 điểm vào tháng 5, rồi giảm về vùng 130-136 điểm đến hết tháng 7. Đà tăng chủ yếu từ cú sốc nguồn cung khi căng thẳng tiếp tục tại eo biển Hormuz; siêu El Niño gia tăng rủi ro nguồn cung nông sản toàn cầu.

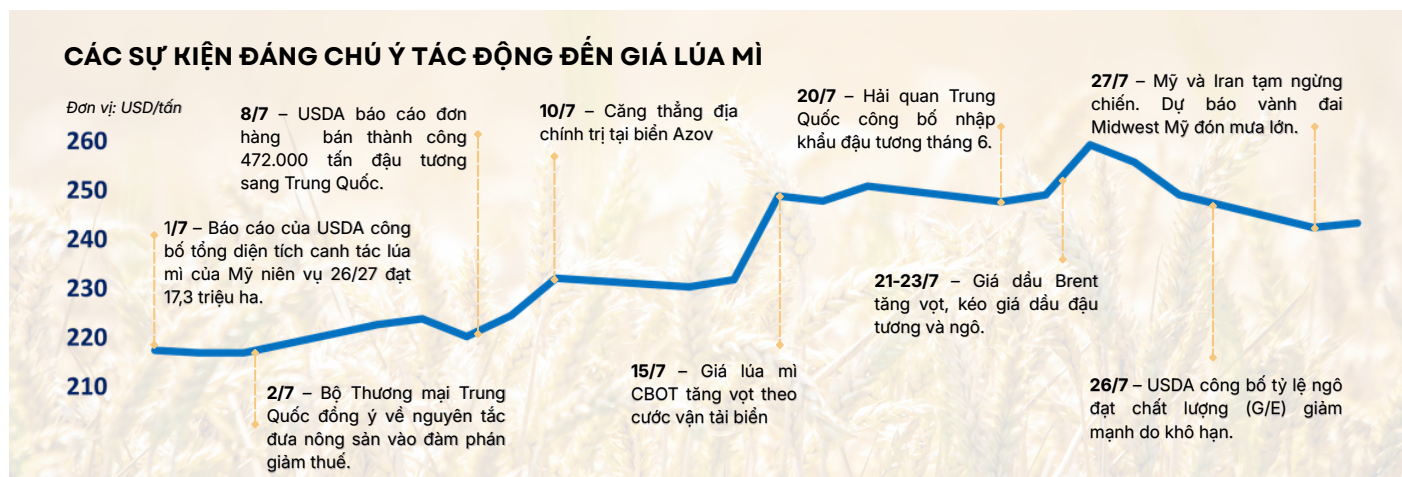
Hoạt động sản xuất của Trung Quốc thu hẹp khi chỉ số PMI tháng 7 giảm từ 50,3 xuống 49,2 điểm, thấp hơn mức dự báo 50 điểm của thị trường. Nhu cầu trong và ngoài nước vẫn suy yếu, trong khi chi phí sản xuất ở mức cao tiếp tục tạo áp lực lên các doanh nghiệp.

Lãi suất của Fed	Chỉ số cước vận tải tàu dầu	Sản xuất và bán lẻ
Fed quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 3,5 - 3,75% với 3/12 thành viên FOMC bỏ phiếu chống. Chủ tịch Kevin Warsh tái khẳng định cam kết kiểm soát lạm phát ở mức 2%.	Trong nửa đầu năm 2026, chỉ số cước vận tải dầu TD3C-BA tăng vọt lên vùng 400-466 điểm Worldscale (WS), cao gấp gần 10 lần so với vùng đáy cuối năm 2024.	Sản xuất công nghiệp trong tháng 6 tăng 5,3%, trong khi doanh số bán lẻ chỉ tăng 1%, cho thấy sản xuất tăng nhanh hơn đáng kể so với nhu cầu tiêu dùng trong nước.

GDP Mỹ QII/2026	Baltic Dry Index (BDI)	GDP QII/2026
GDP thực tế quý II của Mỹ chỉ tăng 1,5%, thấp hơn đáng kể so với mức dự báo 2%. Dù đầu tư và tiêu dùng cá nhân tăng trưởng mạnh, việc các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu đã khiến xuất khẩu ròng sụt giảm, làm giảm tăng trưởng chung.	Chỉ số Baltic Dry (BDI) giảm nhẹ 0,2% xuống 3.057 điểm theo dữ liệu hợp đồng chênh lệch (CFD). BDI vẫn duy trì đà tăng 6,33% trong tháng qua và cao hơn 52,2% so với cùng kỳ, cách khá xa mức đỉnh lịch sử 11.793 điểm vào tháng 5/2008	GDP tăng 4,3% so với cùng kỳ, chậm lại so với quý II là 5% và thấp hơn kỳ vọng 4,5%, ghi nhận mức thấp nhất kể từ quý IV năm 2022. Nhu cầu nội địa yếu, đầu tư tư nhân trầm lắng và bất động sản suy thoái đã làm lu mờ đà tăng xuất khẩu AI.



Thông tin hàng hóa thế giới



	Yếu tố ảnh hưởng	Mặt hàng	Diễn biến giá	%↗ kể từ 28/6
Nông sản	- Dự báo giải tỏa stress nhiệt trong giai đoạn sinh trưởng cây đậu tương. - Mỹ áp thuế nhập khẩu 25% lên các sản phẩm năng lượng sinh học từ Brazil. - Khủng hoảng năng lượng kích cầu dầu đậu tương sản xuất diesel sinh học. - Sản lượng Brazil và Argentina cao kỷ lục.	Đậu tương		+7,6%
		Dầu đậu tương		+5,6%
		Ngô		+9%
		Lúa mì Chicago		+12%
NLCN	- Tồn kho cà phê Arabica thấp nhất trong 2,5 năm. - Thời tiết xấu khiến nguồn cung cao su Thái Lan, Indonesia và Việt Nam sụt giảm. - El Niño gây mưa lớn ở Brazil và hạn hán ở Ấn Độ, Thái Lan, đe dọa năng suất mía đường.	Cà phê Arabica		+4,7%
		Cà phê Robusta		-1,9%
		Cao su RSS3		+2,6%
		Đường 11		+1,1%
Kim loại	- Fed tiếp tục giữ nguyên lãi suất mục tiêu ở mức 3,5% - 3,75% lần thứ 5 liên tiếp. - Can thiệp hối đoái từ Nhật Bản. - GDP quý II của Mỹ, Trung Quốc tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng	Bạc		-2,7%
		Bạch kim		+2,6%
		Đồng		+1,3%
		Quặng sắt		-2%
Năng lượng	- Tình hình bất ổn tại eo biển Hormuz cùng việc xung đột lan sang Biển Đỏ và eo biển Bab el-Mandeb, ảnh hưởng tới tất cả các mặt hàng xăng dầu. - Sản lượng tại Mỹ tăng mạnh, đẩy tồn kho vượt mức trung bình 5 năm.	Brent		+23,5%
		WTI		+25,8%
		Dầu ít lưu huỳnh		+41,6%
		LNG		-14,6%

THÔNG TIN QUỐC TẾ	THÔNG TIN TRONG NƯỚC	THỊ PHẦN THÀNH VIÊN	LỊCH THÔNG TIN
-------------------	----------------------	---------------------	----------------

Phân tích cấu trúc vị thế hàng hóa giao dịch

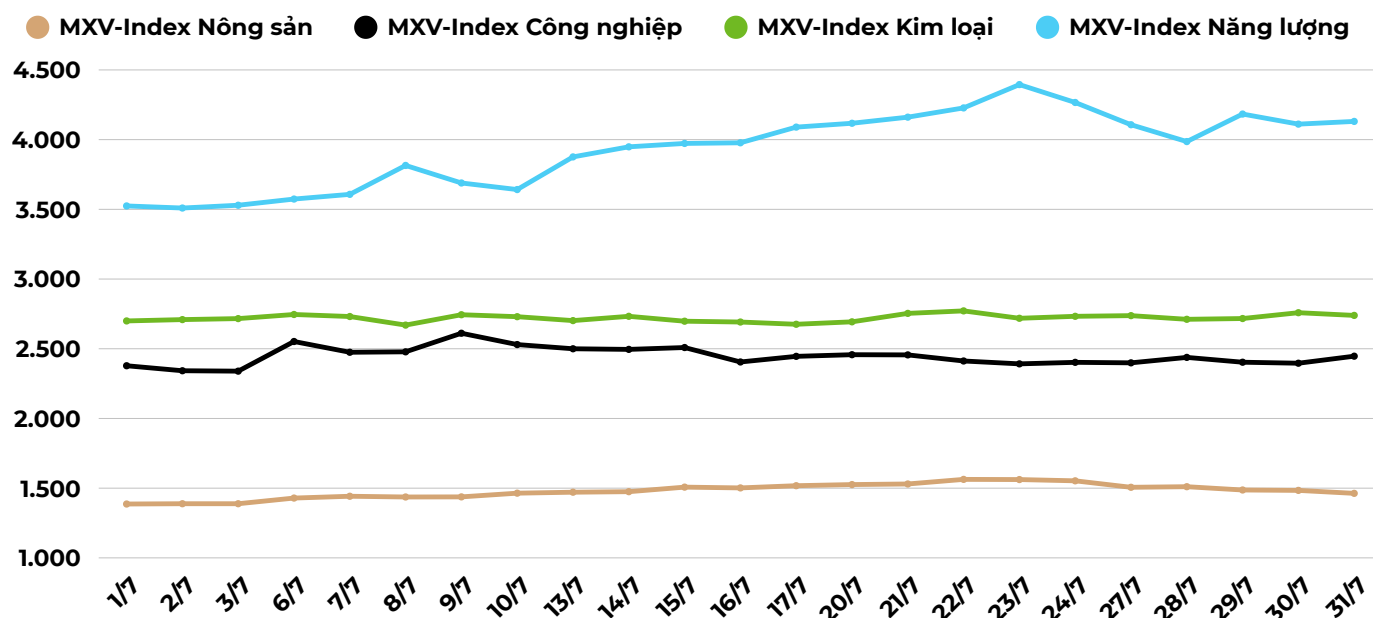
LÚA MÌ 243	CBOT	Biên độ 1M	19,5%	COT52W	CR8	Phân tán	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	6,8%	7,9%	Net Long	20%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	287%	Bán cực đoan	Net Short	18,8%	119.046	▲8,8%	121.038	▼26,4%
NGÔ 180	CBOT	Biên độ 1M	10,3%	COT52W	CR8	Phân tán	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	5,7%	31,5%	Net Long	17%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	181,7%	Bán	Net Short	15%	493.348	▲0.7%	239.028	▼43,9%
ĐẬU TƯƠNG 445	CBOT	Biên độ 1M	10,8%	COT52W	CR8	Phân tán	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	5,8%	13,2%	Net Long	15%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	187,7%	Bán cực đoan	Net Short	24,5%	279.866	▲41,4%	68.109	▼43,8%
ARABICA 7.482	ICE	Biên độ 1M	17,6%	COT52W	CR8	Phân tán	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	15,8%	44,6%	Net Long	15,9%	Long		Short	
	Backwardation	Hệ số khuếch đại	111,7%	Bán	Net Short	19,2%	52.716	▼9,3%	25.308	▼32,7%
ROBUSTA 3.877	ICE	Biên độ 1M	8,1%	COT52W	CR8	-	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	14,6%	-	Net Long	-	Long		Short	
	Backwardation	Hệ số khuếch đại	55,2%	-	Net Short	-	-	-	-	-
ĐƯỜNG 11 320,7	ICE	Biên độ 1M	5,4%	COT52W	CR8	Tập trung vừa	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	6,3%	14,6%	Net Long	21%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	86,0%	Bán cực đoan	Net Short	26%	267.954	▲10,2%	350.385	▲3,7%
BÔNG 1.746	ICE	Biên độ 1M	11,0%	COT52W	CR8	Tập trung vừa	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	7,2%	9,1%	Net Long	12,6%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	152,7%	Bán cực đoan	Net Short	35,6%	133.040	▲0,9%	39,5	▼26,9%
BẠC 57,3	CME	Biên độ 1M	10,7%	COT52W	CR8	Tập trung vừa	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	13,3%	98,7%	Net Long	19,8%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	80,9%	Mua cực đoan	Net Short	43,5%	35.314	▼6,6%	13.097	▲25,5%
ĐỒNG 14.207	CME	Biên độ 1M	7,5%	COT52W	CR8	Tập trung vừa	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	10,1%	22,3%	Net Long	26,2%	Long		Short	
	Contango	Hệ số khuếch đại	74,7%	Bán	Net Short	40,2%	103.023	▲5.8%	35.742	▲9,6%
WTI 81	NYMEX	Biên độ 1M	34,4%	COT52W	CR8	Phân tán	Non-Commercial			
	Cấu trúc	Mức ký quỹ	11,5%	53,1%	Net Long	17,8%	Long		Short	
	Backwardation	Hệ số khuếch đại	299,9%	Trung Tính	Net Short	22%	314.992	▼7,5%	194.884	▼15,3%

Chú thích:

- Chỉ báo Vị thế 52 Tuần (COT52W): Dựa trên dữ liệu từ Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Tương lai Mỹ (CFTC) tính đến 29/7/2026.
COT Index = (Net Commercial – Min52w) / (Max52w – Min52w) × 100.
- Chỉ số CR8 (Concentration Ratio): Đo lường mức độ tập trung thị trường thông qua tỷ lệ kiểm soát vị thế rỗng của 8 thương nhân lớn nhất.

Phần 2: Thị trường hàng hóa trong nước

Diễn biến MXV-Index các nhóm hàng



MXV-INDEX

2.713

▲ 0,95%

Nông sản

1.479

▲ 5,2% MoM

Năng lượng

3.932

▲ 1,8% MoM

NLCN

2.446

▲ 13,8% MoM

Kim loại

2.720

▼ 5,5% MoM

MXV-Index trung bình tháng 7 ở mức 2.713 điểm, tăng gần 1% so với chỉ số trung bình tháng 6. Mức tăng này chủ yếu đến từ nhóm nguyên liệu công nghiệp và nông sản khi chỉ số đo lường biến động giá của hai nhóm này tăng lần lượt 13,8% và 5,2% so với tháng trước, trong khi kim loại lại giảm tới 5,5%.

Đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng (31/7), MXV-Index đạt 2.755 điểm, tăng 7,06% so với phiên giao dịch đầu tháng. Dẫn dắt đà tăng là nhóm năng lượng, khi chỉ số nhóm này bật lên mức 4.130 điểm, tăng 17,2% so với phiên đầu tháng.

Tổng quan giao dịch tháng 7/2026

THỊ TRƯỜNG SÔI ĐỘNG

Tháng 7/2026, thị trường giao dịch hàng hóa Việt Nam sôi động hơn so với tháng trước, đồng thời ghi nhận sự thay đổi rõ nét về cơ cấu giao dịch. Trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới diễn biến phân hóa giữa các nhóm mặt hàng, giao dịch trong nước có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các hợp đồng nông sản niêm yết trên các sở giao dịch liên thông lớn trên thế giới.

Lũy kế 7 tháng đầu năm, khối lượng giao dịch tăng 49% và giá trị giao dịch tăng 49,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong khi đó, số tài khoản mở mới đạt 12.750 tài khoản, gấp gần 5 lần cùng kỳ năm trước. Những kết quả này cho thấy thị trường tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, cả về quy mô giao dịch lẫn mức độ tham gia của nhà đầu tư.

QUY MÔ GIAO DỊCH

	TĂNG TRƯỞNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH	TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH
✓ Khối lượng giao dịch tăng	▲ 32.708 lots	▲ 30.540 tỷ VNĐ
✓ Giá trị giao dịch tăng	▲ 19,6%	▲ 20%
✓ TVKD, TVMG tăng trưởng	So với tháng 6/2026	So với tháng 6/2026
✓ Tài khoản mở mới tăng	▲ 63%	▲ 27%
✓ Giao dịch thực tế tăng	So với cùng kỳ năm ngoái	So với cùng kỳ năm ngoái

TÀI KHOẢN MỞ MỚI

So với tháng 6/2026

▲ 307 Tài khoản

Tăng 23,9%

So với cùng kỳ năm ngoái

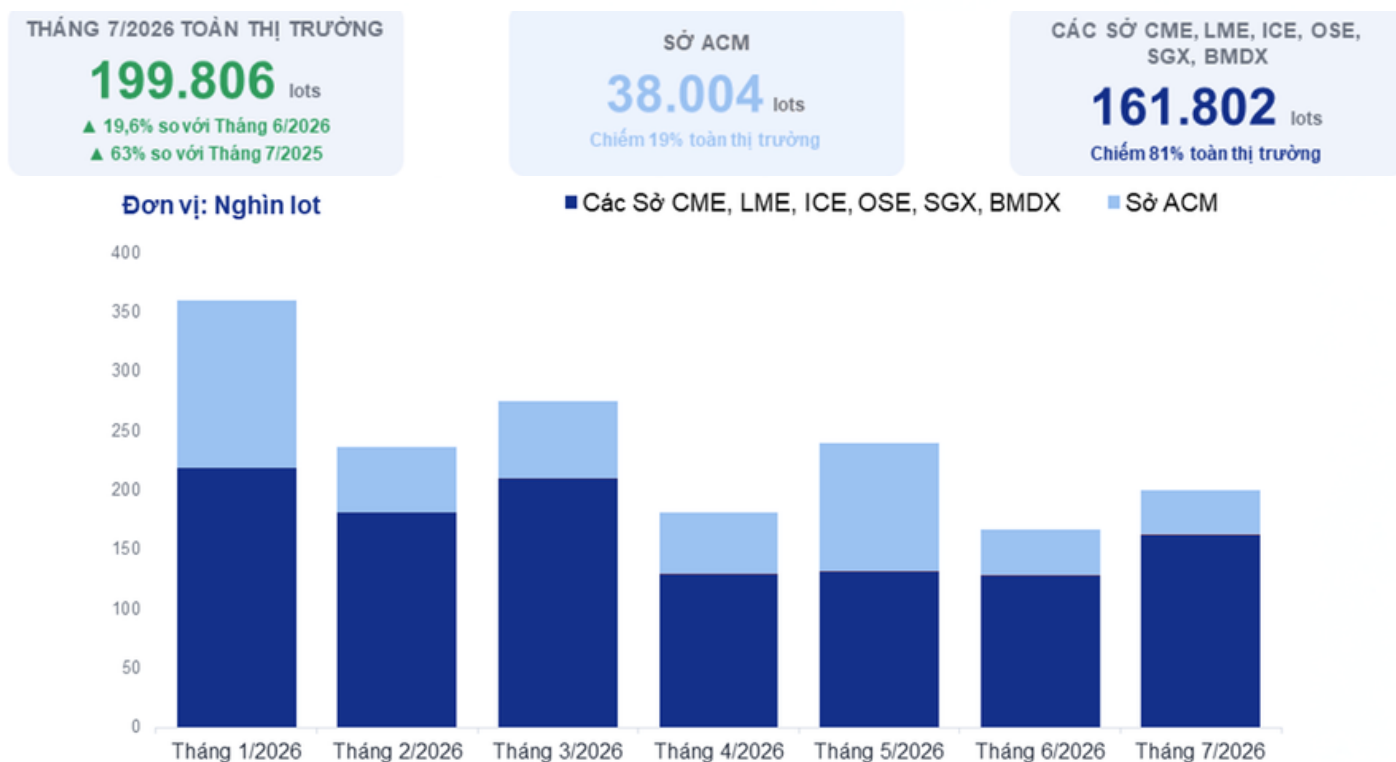
▲ 2.121 Tài khoản

Tăng 537 %

XU HƯỚNG GIAO DỊCH

Nông sản	NLCN	Kim loại	Năng lượng
Dẫn đầu thanh khoản	Tăng giá mạnh nhất	Thu hẹp tỷ trọng	Biến động mạnh
Giá trị giao dịch	MXV-Index nhóm	Khối lượng giao dịch	Brent
▲ 51%	▲ 13,8%	▼ 8%	▲ 25,8%

Khối lượng giao dịch



Cơ cấu giao dịch tiếp tục chuyển dịch trong tháng 7

Xét về cơ cấu, các hợp đồng niêm yết trên các Sở CME, LME, ICE... tiếp tục chiếm ưu thế với 81% tổng khối lượng giao dịch, tăng 5 điểm phần trăm so với tháng 6/2026. Trong khi đó, tỷ trọng giao dịch qua ACM giảm từ 24% xuống còn 19%. Thị trường chứng kiến sự dịch chuyển dòng tiền trong tháng một phần từ thị trường ACM sang các mặt hàng giao dịch sôi động trên các Sở hàng hóa liên thông lớn, có sự tập trung nhiều hơn ở nhóm nông sản.

Các hợp đồng nông sản, tiêu biểu là lúa mì, ngô và nhóm sản phẩm đậu tương, đã ghi nhận mức tăng trưởng khối lượng giao dịch ấn tượng. Những thông tin thời tiết bất lợi và các báo cáo mùa vụ quan trọng trong tháng đã kích thích tâm lý giao dịch, giúp nhóm hàng này đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào đà tăng thanh khoản chung của toàn thị trường.

Giao dịch qua Sở ACM duy trì ở mức ổn định

Nếu nhìn lại khoảng thời gian hơn một năm kể từ bắt đầu giao dịch, khối lượng giao dịch trên Sở ACM vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực. Vào tháng 7/2025 - thời điểm chỉ khoảng 4 tháng sau khi MXV liên thông với Sở ACM, các sản phẩm Nano mới chỉ chiếm khoảng 1% tổng khối lượng giao dịch. Đến tháng 7 năm nay, tỷ trọng này đã tăng lên 19%. Tính chung 7 tháng đầu năm, giao dịch qua Sở ACM chiếm 30,22% tổng khối lượng giao dịch và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giao dịch của thị trường. Trong khi đó, tỷ trọng khối lượng giao dịch qua các Sở CME, LME, ICE... giảm từ 99,39% xuống 69,78%.

Giá trị giao dịch

THÁNG 7/2026 TOÀN THỊ TRƯỜNG

183,4 nghìn tỷ đồng
▲ 20% so với Tháng 6/2026
▲ 27% so với Tháng 7/2025

7 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
TOÀN THỊ TRƯỜNG

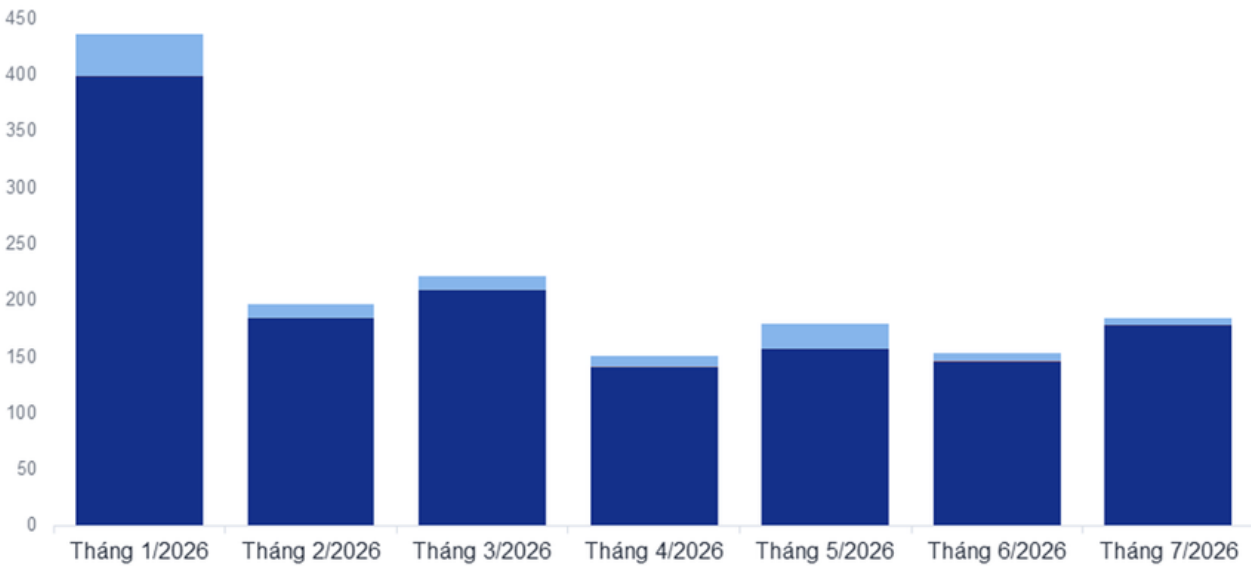
▲ 49%
so với 7 tháng đầu năm 2025

CÁC SỞ CME, LME, ICE, OSE, SGX, BMDX
TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

▲ 38,5%
so với 7 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

■ Các Sở CME, LME, ICE, OSE, SGX, BMDX ■ Sở ACM



Tổng giá trị giao dịch tăng trưởng tích cực

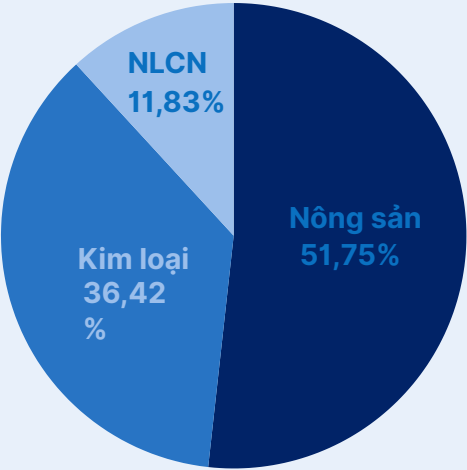
Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong tháng 7 tăng 20% so với tháng trước và tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 7 tháng đầu năm tăng gần 49% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh quy mô thị trường tiếp tục mở rộng qua từng năm.

Thị trường phát triển cân bằng

Giá trị giao dịch bình quân, được tính bằng giá trị giao dịch toàn thị trường chia cho khối lượng giao dịch ghi nhận, đạt khoảng 918 triệu đồng/lot, gần như không thay đổi so với mức 915 triệu đồng/lot của tháng 6/2026. Mức tăng của giá trị giao dịch có mối tương quan chặt chẽ đến sự gia tăng khối lượng giao dịch của thị trường.

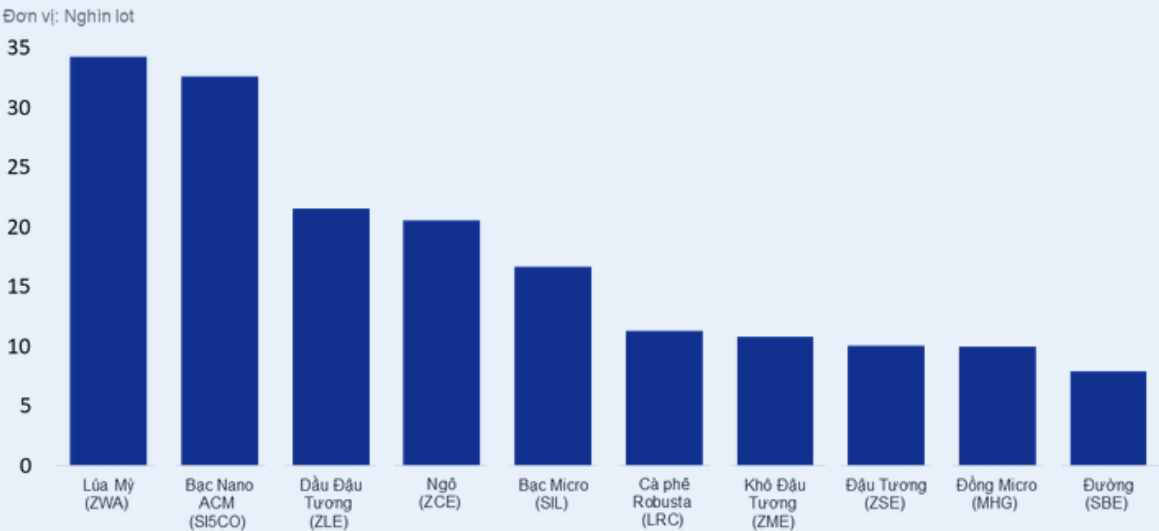
Nếu xét theo cơ cấu dài hạn, Sở ACM cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể về giá trị giao dịch. Trong 7 tháng đầu năm 2025, các sản phẩm ACM chỉ chiếm 0,046% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Đến 7 tháng đầu năm nay, tỷ trọng này đã tăng lên hơn 7%. Diễn biến này cho thấy không chỉ khối lượng giao dịch mà giá trị giao dịch của các sản phẩm Nano cũng đang từng bước hiện diện ngày càng rõ nét trên thị trường.

Phân tích hàng hóa giao dịch trên thị trường



Cơ cấu tháng 7 cho thấy trọng tâm thanh khoản đã chuyển mạnh sang nông sản, chiếm hơn 50% tổng khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch. Sự thay đổi này được thể hiện rõ trong bảng xếp hạng sản phẩm, với lúa mì, dầu đậu tương và ngô cùng nằm trong nhóm 4 mặt hàng có KLGD lớn nhất.

TOP ĐẦU TỶ TRỌNG THANH KHOẢN TẠI MXV THÁNG 7/2026

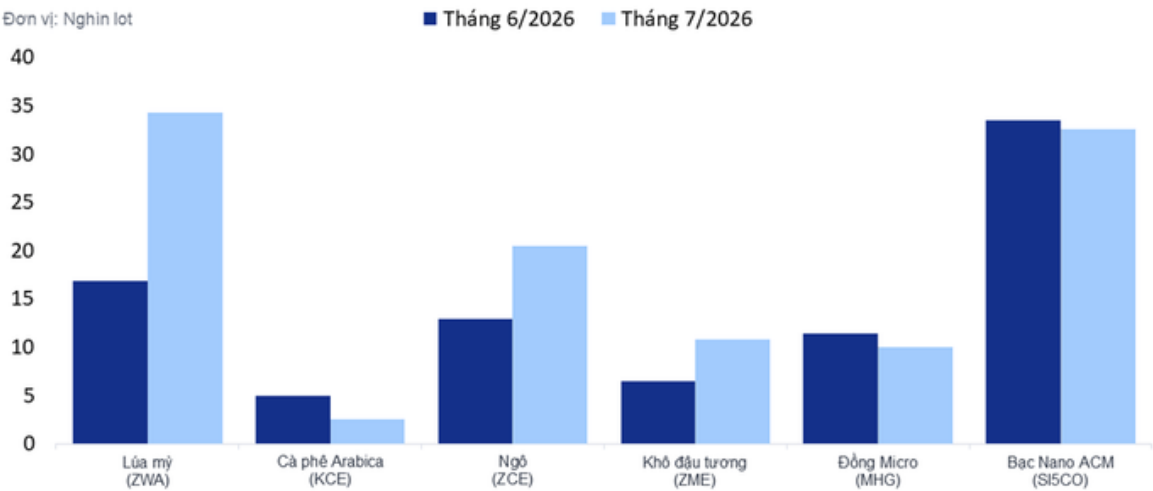


TOP 10 SẢN PHẨM CÓ KLGD LỚN NHẤT TẠI MXV THÁNG 7/2026

Xét về khối lượng giao dịch, lúa mì trở thành mặt hàng giao dịch sôi động nhất thị trường trong tháng 7 khi vượt từ vị trí thứ tư lên dẫn đầu, đạt gần 34.300 lot, chiếm 17,2% tổng khối lượng giao dịch và tăng 103% so với tháng 6. Cùng với lúa mì, ngô và khô đậu tương cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 59,4% và 66%, qua đó đưa tỷ trọng giao dịch của nhóm nông sản lên gần 52% tổng khối lượng toàn thị trường.

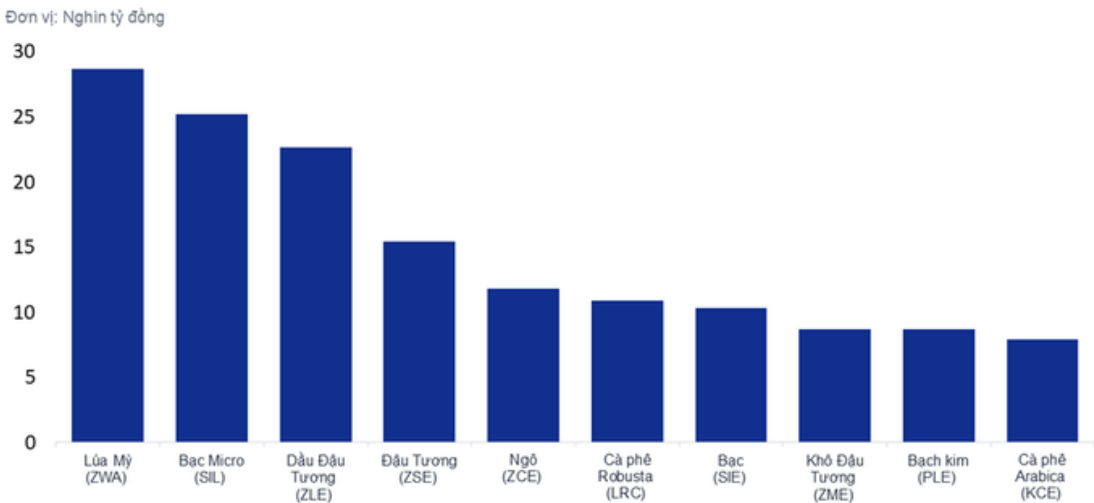
Ở chiều ngược lại, nhóm kim loại vẫn duy trì quy mô giao dịch lớn nhưng không còn là nhóm dẫn dắt thanh khoản trong tháng. Các hợp đồng từng đứng đầu thị trường trong tháng 6 như Bạc Nano ACM, Bạc Micro và Đồng Micro đều ghi nhận mức giảm lần lượt 2,6%, 4,7% và 12,6%, khiến tỷ trọng giao dịch của nhóm kim loại thu hẹp từ 44,4% xuống còn 36,4%.

Phân tích hàng hóa giao dịch trên thị trường



CÁC MẶT HÀNG CÓ THAY ĐỔI ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KLGD

Xét về giá trị giao dịch, lúa mì cũng giữ vị trí dẫn đầu với hơn 28.700 tỷ đồng, tăng khoảng 115% so với tháng trước và từ vị trí thứ 3 trong tháng 6 lên đứng đầu bảng xếp hạng. Trong khi đó, giá trị giao dịch của cà phê Arabica giảm hơn 38%, khiến mặt hàng này lùi từ vị trí thứ 4 (tháng 6) xuống thứ 10; Bạc Micro - hợp đồng dẫn đầu giá trị giao dịch trong tháng 6 cũng giảm hơn 5.400 tỷ đồng. Diễn biến trên cho thấy dòng tiền đang dịch chuyển từ nhóm hợp đồng kim loại quý mô nhỏ sang các hợp đồng nông sản tiêu chuẩn, phù hợp với những biến động nổi bật về cung - cầu trên thị trường hàng hóa thế giới trong tháng 7.



TOP 10 SẢN PHẨM CÓ GTGD LỚN NHẤT TẠI MXV THÁNG 7/2026

Xu hướng giao dịch theo quy mô hợp đồng

HÀNG HÓA	T2/2026	T3/2026	T4/2026	T5/2026	T6/2026	T7/2026
Dầu Đậu Tương						
Đậu Tương						
Ngô						
Khô Đậu Tương						
Bông Sợi						
Lúa Mỳ						
Cà phê Robusta						
Bạc						
Bạch kim						
Đường						
Cà phê Arabica						
Đồng						

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng KLGD hàng tháng của các hợp đồng full-sized



Thanh khoản của nhóm hợp đồng Full-sized cải thiện đáng kể trong tháng 7, với động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ các mặt hàng nông sản. Bên cạnh đó, các mặt hàng bạc, bạch kim và đường cũng ghi nhận mức tăng nhẹ.

Ngược lại, cà phê Arabica và bông sợi tiếp tục suy giảm, còn dầu đậu tương và đồng gần như đi ngang. Điều này cho thấy dòng tiền đang tập trung vào một số mặt hàng có diễn biến giá và câu chuyện cung - cầu nổi bật, thay vì phân bổ đồng đều trên toàn bộ nhóm hợp đồng Full-sized.

Xu hướng giao dịch theo quy mô hợp đồng

HÀNG HÓA	T2/2026	T3/2026	T4/2026	T5/2026	T6/2026	T7/2026
Đậu Tương Mini						
Đồng Mini						
Bạc Micro						
Bạc Nano ACM						
Đồng Nano ACM						
Bạch kim Nano ACM						
Đồng Micro						
Bạc Mini						

Biểu đồ tốc độ tăng trưởng KLGD hàng tháng của các hợp đồng mini-sized, micro-sized và nano-sized



Với nhóm hợp đồng Mini, Micro và Nano, hoạt động giao dịch hạ nhiệt sau giai đoạn sôi động của tháng 6. Nếu như Bạc Nano ACM từng dẫn đầu thanh khoản toàn thị trường trong tháng trước, thì sang tháng 7, dòng tiền không còn tập trung vào nhóm hợp đồng quy mô nhỏ. Bạc Mini là điểm sáng hiếm hoi khi ghi nhận mức tăng khá, trong khi Dầu đậu tương Mini và Đồng Mini chỉ cải thiện nhẹ.

Ở chiều ngược lại, phần lớn các hợp đồng Micro và Nano đều suy giảm, nổi bật là Đồng Nano ACM và Bạc Nano ACM. Diễn biến này cho thấy sự quan tâm của nhà đầu tư đã dịch chuyển khỏi nhóm hợp đồng kim loại quy mô nhỏ để tập trung nhiều hơn vào các hợp đồng Full-sized của nhóm nông sản, nơi biến động giá và thanh khoản đều cải thiện rõ nét trong tháng 7.

Sản phẩm dẫn dắt

CÁC MẶT HÀNG TĂNG MẠNH KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TRONG THÁNG 7/2026



+ 103%

LÚA MÌ



+ 59,4%

NGÔ



+ 66%

KHÔ ĐẬU

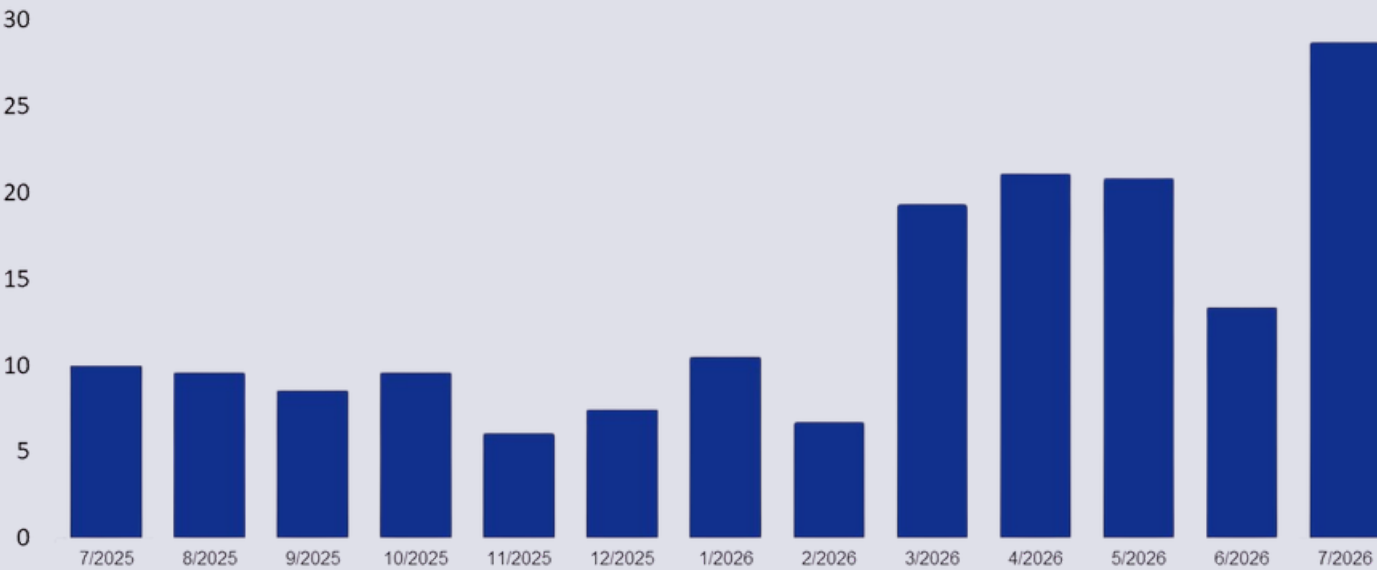
Lúa mì: Trở thành tâm điểm giao dịch, giá trị giao dịch cũng tăng 115%, góp phần đưa nông sản lên vị trí dẫn đầu thanh khoản tháng 7.

Bạc: tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu, nhưng thanh khoản giảm.

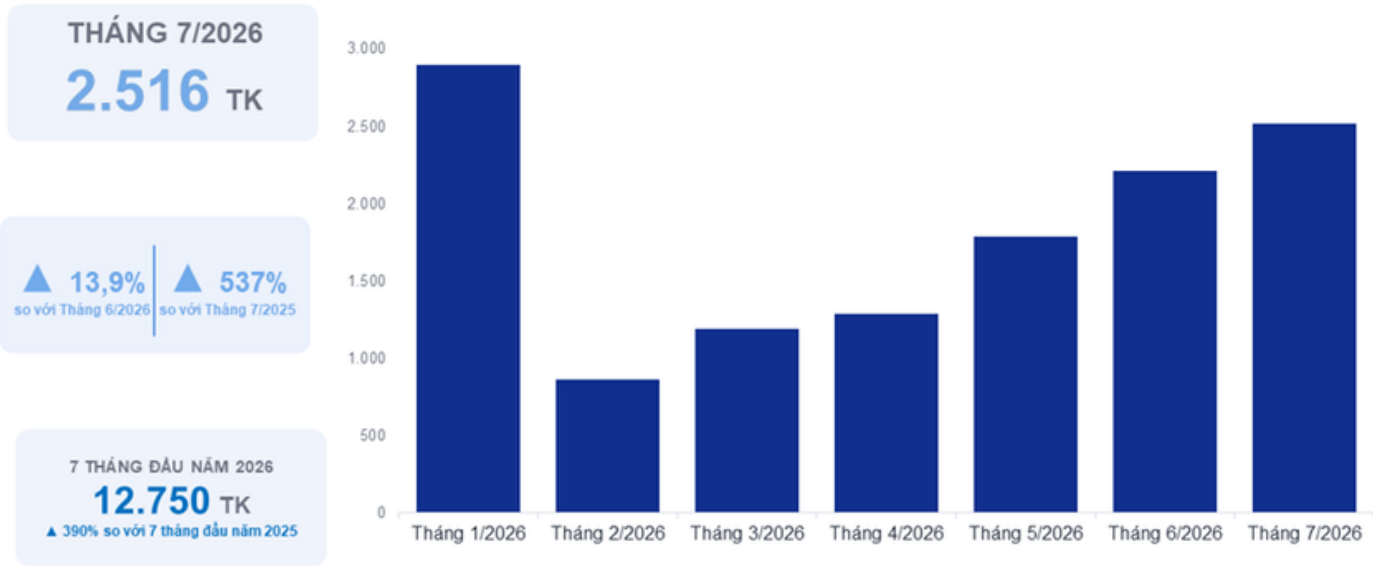
Cà phê Arabica: Giá trị giao dịch giảm 38% so với tháng trước.

BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG LÚA MÌ T7/2025-T7/2026

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Tài khoản mở mới tiếp tục tăng



SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI THÁNG 7/2026

Tháng 7 ghi nhận 2.516 tài khoản mở mới, tăng 13,9% so với tháng trước và cao gấp hơn 6 lần so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 7 tháng đầu năm, số lượng tài khoản mở mới đạt 12.750, tăng khoảng 390% so với cùng kỳ.

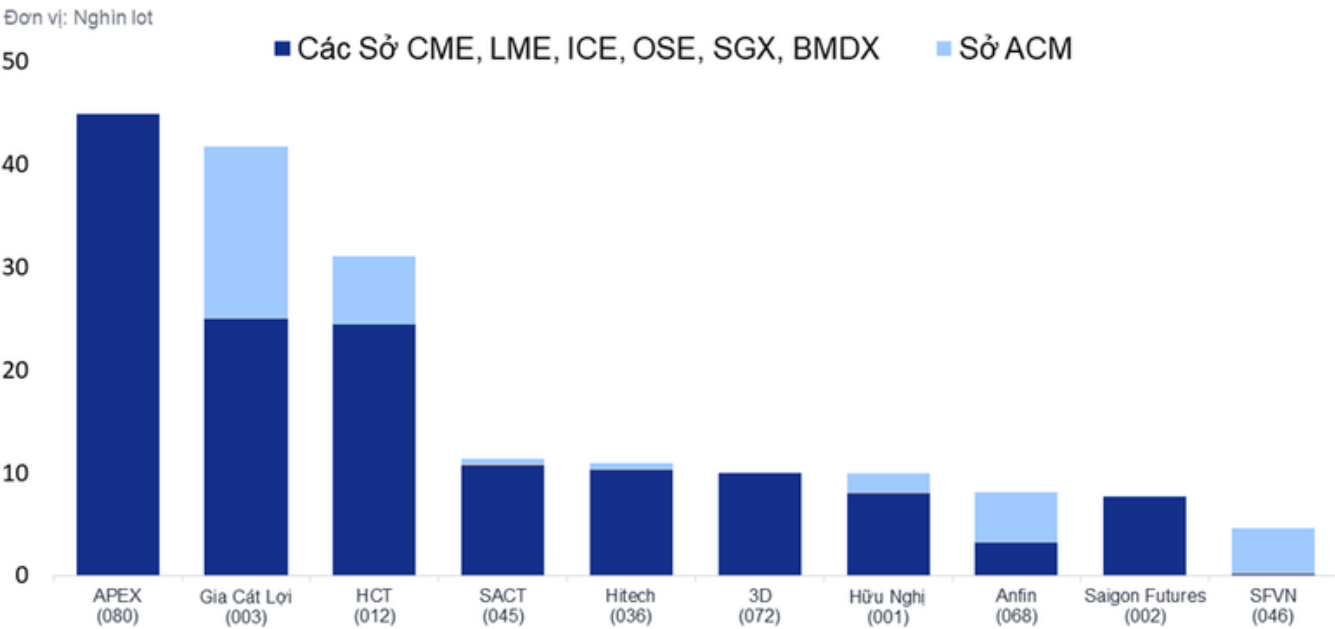
Cùng với sự phục hồi của khối lượng và giá trị giao dịch, số lượng tài khoản mở mới tiếp tục gia tăng cho thấy mức độ quan tâm tham gia của nhà đầu tư trên thị trường ngày càng mở rộng. Đây là tín hiệu tích cực đối với sự phát triển của thị trường, góp phần cải thiện thanh khoản và nâng cao hiệu quả kết nối giữa nhu cầu phòng vệ giá và nhu cầu đầu tư.

2 CHUYỂN ĐỘNG NỔI BẬT

	T6/2026	T7/2026	XU HƯỚNG
1	KLGD tháng 6 giảm hơn 30% so với tháng 5/2026; GTGD giảm 14,5%	Cả KLGD và GTGD tháng 7 đều tăng khoảng 20% so với tháng 6/2026	KLGD và GTGD đều loạt tăng trong tháng 7, cho thấy hoạt động giao dịch sôi động
2	Kim loại chiếm 44,4% tổng KLGD và 41,66% tổng GTGD, dẫn đầu ở cả hai chỉ tiêu.	Nông sản chiếm 51,75% tổng KLGD và 50,97% tổng GTGD, dẫn đầu ở cả hai chỉ tiêu.	Trọng tâm thanh khoản tháng 7 chuyển từ nhóm kim loại sang nhóm nông sản.

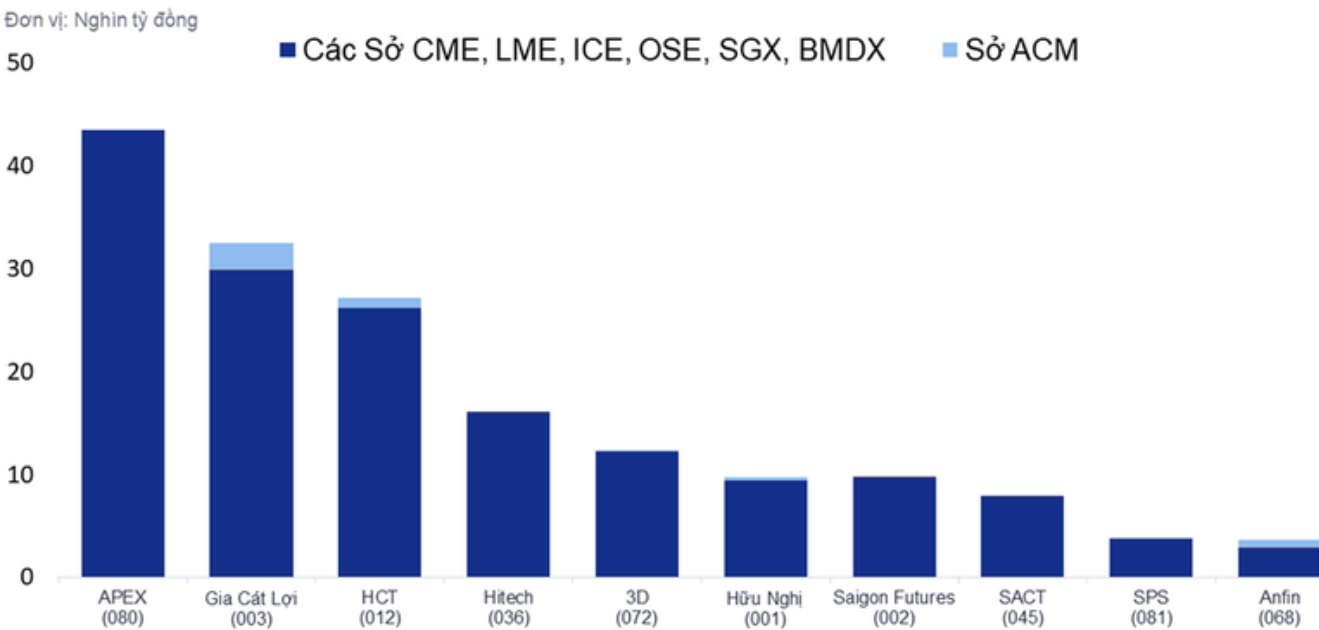
Phần 3: Bản đồ thị phần thành viên

Xếp hạng TVKD



TOP 10 TVKD THEO KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THÁNG 7/2026

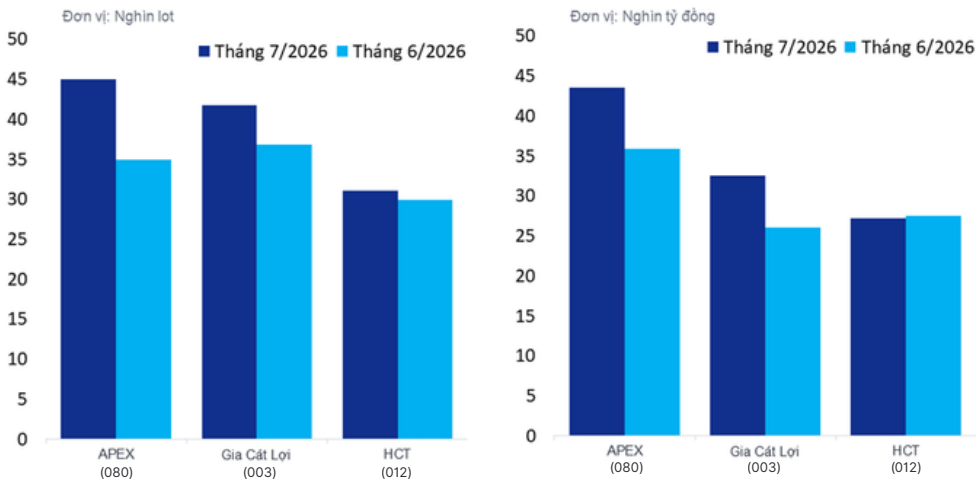
Tháng 7/2026, APEX (TVKD: 080), Gia Cát Lợi (TVKD: 003) và HCT (TVKD: 012) tiếp tục dẫn đầu thị trường về quy mô giao dịch, duy trì nhóm ba TVKD có doanh số lớn nhất xét trên cả khối lượng và giá trị giao dịch. Đáng chú ý, SACT (TVKD: 045) lần đầu góp mặt trong Top 10 ở cả hai tiêu chí.



TOP 10 TVKD THEO GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THÁNG 7/2026

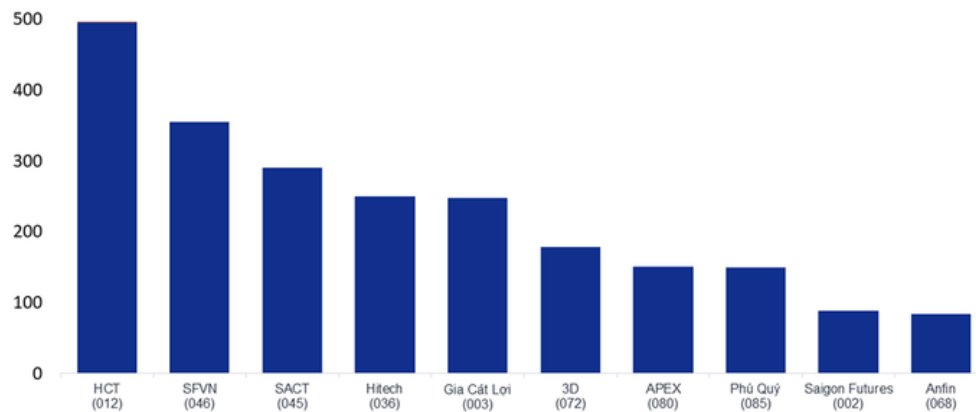
Xếp hạng TVKD

Bức tranh thị phần tháng 7 cho thấy các TVKD tiếp tục duy trì những lợi thế khác nhau, từ quy mô giao dịch đến phát triển khách hàng, góp phần tạo nên cơ cấu cạnh tranh đa dạng trên thị trường giao dịch hàng hóa Việt Nam.



TOP 3 TVKD THEO KLGD VÀ GTGD THÁNG 7/2026

Trong tháng 7, APEX nổi bật về quy mô giao dịch, HCT dẫn đầu phát triển tài khoản, còn Gia Cát Lợi duy trì sự hiện diện đáng kể ở cả các sở liên thông lớn trên thế giới và Sở ACM.



TOP 10 TVKD MỞ NHIỀU TÀI KHOẢN NHẤT THÁNG 7/2026

Về hoạt động phát triển khách hàng, HCT (TVKD: 012) dẫn đầu với 495 tài khoản mở mới, tương đương gần 19,7% tổng số tài khoản mở mới toàn thị trường. Trong khi đó, Phú Quý (TVKD: 085), thành viên mới gia nhập mạng lưới TVKD từ cuối tháng 6 lại nhanh chóng ghi nhận 150 tài khoản mở mới và lọt vào Top 10 về phát triển khách hàng ngay trong tháng hoạt động đầu tiên.

Phần 4: Lịch kinh tế quan trọng tháng 8

Thời gian	Sự kiện	Nhóm hàng nhạy cảm	Thị trường cần theo dõi
5/8/2026	Chỉ số PMI dịch vụ Mỹ (ISM)	Kim loại, năng lượng	Đánh giá sức khỏe kinh tế Mỹ và nhu cầu tiêu thụ hàng hóa
Thứ tư hàng tuần	Báo cáo tồn kho dầu EIA	Dầu thô, xăng, diesel	Mức thay đổi tồn kho dầu thô và nhiên liệu tại Mỹ
Thứ năm hàng tuần	Báo cáo trợ cấp thất nghiệp Mỹ	Kim loại quý, USD	Tín hiệu sớm về thị trường lao động
Thứ sáu hàng tuần	Báo cáo việc làm Mỹ (Nonfarm Payrolls)	Toàn bộ thị trường	Dữ liệu quan trọng nhất liên quan tới lãi suất Fed
	Báo cáo CFTC (Commitment of Traders)	Kim loại, nông sản, năng lượng	Theo dõi sự thay đổi vị thế của các quỹ đầu cơ
12/8/2026	Chỉ số CPI Mỹ	Kim loại quý, năng lượng	Đánh giá áp lực lạm phát và triển vọng chính sách tiền tệ
12/8/2026	Báo cáo WASDE USDA	Đậu tương, ngô, lúa mì	Cập nhật cung - cầu nông sản toàn cầu
20/8/2026	Biên bản họp FOMC	Toàn bộ thị trường	Tìm kiếm tín hiệu về cuộc họp Fed tháng 9
Cả tháng	Diễn biến tại Trung Đông và chính sách thuế của Mỹ	Dầu, kim loại, nông sản	Yếu tố khó dự báo có thể làm gia tăng biến động giá

5 BIẾN SỐ ĐÁNG CHÚ Ý CỦA THỊ TRƯỜNG THÁNG 8

1

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA FED VÀ CÁC DỮ LIỆU KINH TẾ MỸ

CÂN BẰNG CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

(OPEC+, nhu cầu tiêu thụ tại Mỹ và Trung Quốc, tồn kho dầu EIA)

2

3

TRIỂN VỌNG MÙA VỤ QUA BÁO CÁO WASDE CỦA USDA

DIỄN BIẾN THỜI TIẾT TẠI CÁC VÙNG SẢN XUẤT CHỦ CHỐT

(Mỹ, Brazil và Việt Nam)

4

5

ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU